

Quá Trình Xây Dựng Nhân Vật Tôn Ngộ Không

Tiểu Thuyết Tây Du Ký Dưới Cái Nhìn Dân Thoại Học

NAKANO MIYOKO

Nguyễn Nam Trân biên dịch và chú thích Tây du ký

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Lời dẫn nhập của người biên dịch

Tây Du Ký tiêu biểu cho tiểu thuyết chương hồi bình dân Trung Quốc, có ảnh hưởng sâu sắc đến sinh hoạt xã hội các dân tộc Á Châu. Không những nó đã có mặt từ lâu trong khu vực văn hóa chữ Hán (Trung, Đài, Hàn, Việt, Nhật) mà từ cuối thế kỷ 19, qua các bản tuồng các gánh hát lưu diễn và văn dịch, Tây Du Ký (TDK) đã theo ngọn gió mùa và quang thúng Hoa Kiều đến Thái, Mã Lai, In-đô-nê-xia và các nơi khác trên thế giới. Âu Mỹ cũng đánh giá cao TDK, bằng cớ là Pháp đã cho in bản dịch TDK *Le Pèlerin vers l'Ouest* trong tuyển tập *Pléiade* trên giấy quỳn và học giả A. Waley đã dịch TDK ra Anh ngữ từ lâu (*Monkey, by Wu Ch'êng-Ên, Allen & Unwin, London, 1942*). Ngoài ra, việc so sánh Tây Du Ký² và tác phẩm Tây Phương *The Pilgrim's Progress* (Thiên Lộ Lịch Trình) cũng là một đề tài thú vị cho người nghiên cứu văn học đối chiếu.

Do đó, ta không lạ gì khi thấy trong số học giả Nhật có người như Nakano Miyoko bỏ gần cả cuộc đời để nghiên cứu Tây Du Ký. Bà Nakano sinh năm 1933 ở Sapporo, miền Bắc nước Nhật, giáo sư danh dự Đại Học Hokkaidô và chuyên môn về văn học Trung Quốc. Tác phẩm chính có Tôn Ngộ Không chào đời (1980), Yêu quái Trung Quốc (1983), Bí mật bên trong Tây Du Ký (1984), Pháp sư Tam Tạng, Tôn Ngộ Không có phải là khi không?.... Ngoài ra, bà đã dịch Tây Du Ký sang tiếng Nhật.

Bài viết này có mục đích trình bày một số thông tin trích từ hai tác phẩm của bà là Ngày Tôn Ngộ Không chào đời (*Son-Go-Ku no tanjô*, 292 trang, bản năm 2002), và Bí mật bên trong Tây Du Ký (*Saiyuki no himitsu*, 368 trang, bản 2003), đều do Iwanami Shoten tái bản với khổ bô túi. Tựa đề và tiết đều do người biên dịch tạm đặt. Vì tính chất đoạn chương thủ nghĩa không tránh khỏi của việc trích dịch, xin độc giả lượng thứ nếu bài viết không thể hiện đầy đủ toàn tự suy luận của tác giả Nakano Miyoko.

Bạn đọc hẳn không còn lạ gì Tôn Ngộ Không, nhân vật chính của Tây Du Ký (TDK), con khi thần thông và anh hùng nứt ra từ quả trứng đá trên đỉnh Hoa Quả Sơn, nước Ngao Lai, một hòn đảo ngoài biên thuộc Đông Thắng Thần Châu³. Không cha mẹ, không anh em, một mình tự tập đàn khi, tự xưng Mỹ Hầu Vương ở động Thủy Liêm, rồi một ngày bỏ tất cả lên đường đi học đạo tiên với Tu Bồ Đề Tổ Sư ở Tây Ngưu Hóa Châu⁴. Họ Tôn pháp thuật cao dày, võ nghệ tuyệt luân, đại phá long cung, náo loạn thiên đình, ăn trộm quả bần đào, được phong Tề Thiên Đại Thánh, đánh tan thiên binh thần tướng, nuốt linh đơn, chịu được lửa khói lò bát quái của Lão Quân và chỉ mắc mưu Như Lai bị đè dưới ngọn Ngũ Hành Sơn, để rồi theo Huyền Trang Tam Tạng thỉnh kinh và cuối cùng thành Đâu Chiến Thắng Phật tiêu dao ở cõi Tây Phương.

Ba nguồn cội văn học của Tây Du

Lai lịch của Tôn Ngộ Không như trên tóm lược từ tiểu thuyết Tây Du Ký, được viết ra vào đời Minh mà bản khắc gỗ xưa nhất còn giữ được đến nay mang tên Tân Khắc Xuất Tượng (Tượng) Quan Bản Đại Tự Tây Du Ký, tục gọi là bản Thế Đức Đường, ra đời năm Vạn Lịch 20 (1592). Tuy nhiên trước bản đời Minh 100 chương hồi này, chúng ta đã thấy dấu vết của Tây Du Ký tự đời Nguyên. Tiếc thay không ai còn giữ được bản TDK đời Nguyên nữa, nhưng qua những tư liệu bên lề, ta có thể tưởng tượng ra hình dáng nó một phần nào.

Tư liệu bên lề ấy là kịch và thi thoại (nhưng xin hiểu thi thoại ở đây là truyện kể bằng thơ và bạch thoại chứ không phải giai thoại về thơ). Kịch bản đời Nguyên lấy TDK làm đề tài hiện cũng không còn nhưng may mắn là một bộ phận của nó được ghi lại trong Tây Du Ký Tạp Kịch của Dương Cảnh Hiền (còn gọi là Dương Cảnh Ngôn) đời Minh. Sách này hiện vẫn được bảo tồn và coi như là một tư liệu tham khảo đáng tin cậy.

Dấu vết về một tiểu thuyết có tên là Tây Du Ký xuất hiện dưới thời Nguyên còn được thấy qua một tư liệu Triều Tiên thế kỷ 15, Phác Thông Sự Ngạn Giải, cuốn sách giáo khoa dạy đàm thoại tiếng Trung Quốc có phiên âm theo Hàn ngữ (ngạn giải) của ông thông ngôn (thông sự) họ Pak (Phác). Ngoài ra trong Vĩnh Lạc Đại Điển, bộ toàn thư vĩ đại in năm Vĩnh Lạc thứ 6 (1408) đời Minh, quyển 13139 cũng có dẫn dụng một phần nguyên văn TDK, xét niên đại thì suy được nó phải là TDK của đời Nguyên.

Trước Nguyên, Tây Du Ký đã xuất hiện dưới hình thức thô sơ hơn tự đời Tống. Thời ấy, trong các đô thị lớn, có những Ngõa Tử tức là những người kể truyện bằng thơ và nói lời cho dân chúng nghe và họ cần có bản gốc (để bản) dựa vào đó mà kể. Hai trong những bản gốc đó đã được tìm thấy ở Nhật. Đó là Đại Đường Tam Tạng Thủ Kinh Thi Thoại (còn khá đầy đủ) và Đại Đường Tam Tạng Thủ Kinh Ký, in thời Nam Tống và có lẽ do các tăng Nhật Bản du học bên đây mang về.

Bản TDK đời Minh quen thuộc với chúng ta, song những hình thái truyện, kịch, thi thoại Tống Nguyên kia có liên hệ hàng dọc với nhau không, ta chưa quả quyết được. Bởi vì những mối dây đó mắc mứu vào nhau, thêm bớt cho nhau vô cùng phức tạp, làm cho ta bị ngập lụt trong đồng văn kiện và dữ kiện. Tốt hơn nên xé lẻ một vấn đề để nghiên cứu như thử so sánh xem trong mỗi một hình thái văn nghệ nói trên, nhân vật trung tâm Tôn Ngộ Không đã được xây dựng theo quá trình như thế nào.

Trong kịch bản TDK chẳng hạn, Tôn Ngộ Không có cả anh chị em, lại bắt cóc nữ vương nước Kim Đỉnh về làm vợ, nhưng trong tiểu thuyết TDK đời Minh thì Tôn Ngộ Không một mình một thân, tuy phá phách nhưng không hề háo sắc. Phần trích dịch (bản TDK đời Nguyên) của Phác thông sự ra tiếng Triều Tiên không đề cập tới chuyện vợ con của Tôn Ngộ Không nhưng có nhắc đến việc Tôn Ngộ Không đánh cắp áo Tú Tiên Y của Tây Vương Mẫu để mở Khánh Tú Y Hội, một chi tiết giống y nội dung kịch bản, nên từ đó có thể suy ra là trong bản TDK đời Nguyên, Tôn Ngộ Không cũng có thể có vợ con.

Ngược lại, thi thoại đời Tống cho nhân vật chính là Hầu Hành Giả (tiền thân Tôn Ngộ Không) không vợ con gì cả, chứng tỏ giữa thi thoại Tống và kịch bản Nguyên có thể lại không cùng một hệ thống. Ngoài ra, theo bản TDK đời Minh thì rõ ràng Tôn Ngộ Không có nguồn cội bí ẩn, vốn từ hòn đá nứt ra, không cha không mẹ chứ đừng nói đến anh em.

Về cách Tôn Ngộ Không bị trừng phạt cũng thế, trong thi thoại Tống chỉ nói họ Tôn bị Tây Vương Mẫu đánh đòn nhưng không có sự tích đá đè dưới núi Ngũ Hành như các bản từ Nguyên về sau. Mà chuyện đè Tôn Ngộ Không dưới đá có bản cho là do Ngọc Đế, bản khác bảo do Quan Âm, Như Lai, không thống nhất. Về người cứu họ Tôn ra khỏi Ngũ Hành Sơn thì các bản đều đồng thanh là Tam Tạng, trừ thi thoại bảo Ngộ Không dưới dạng một Bạch Y Tú Tài từ phương Đông đã đến nhập bọn thầy trò Đường Tăng và đổi tên thành Hầu Hành Giả, cùng đi thỉnh kinh.

Những chi tiết khác nhau nữa là danh xưng và quê quán của Tôn Ngô Không. Chẳng hạn Tề Thiên Đại Thánh có phải là tên Ngọc Đế phong hay Ngô Không tự xưng. Ngoài ra, theo TDK bản Nguyên và bản Minh, nơi phát tích của Tôn Ngô Không là núi Hoa Quả động Thủy Liêm, trong khi thi thoại đời Tống và kịch bản gọi nó là Tử Vân Động hay Tử Vân La Động.

Ai viết Tây Du Ký?

Theo ý kiến chung ngày nay, bản TDK đời Minh là của Ngô Thừa Ân soạn. Lập luận này chưa hẳn được tất cả các nhà nghiên cứu chấp nhận. Việc Hoài An Phủ Chí của phủ Hoài An, quê hương ông, ghi rằng Ngô Thừa Ân viết TDK chưa chắc muốn nói đích xác là cuốn TDK, tiêu thuyết về Tôn Ngô Không, vì cái tựa Tây Du Ký còn được dùng bởi nhiều người mỗi khi nói đến một cuộc lữ hành về phương Tây. Vào thế kỷ 13, thiên hồi ký về cuộc hành trình của đạo sĩ Khâu (Khưu) Xử Cơ, người được Thành Cát Tư Hãn mời đến thành Samarcand đã có nhan đề là Trường Xuân Chân Nhân Tây Du Ký. Cái tựa này làm cho từ đời Thanh cho đến đầu thế kỷ 20, nhiều người vẫn lập luận rằng Khâu Xử Cơ là tác giả TDK, chỉ vì căn cứ vào 3 chữ TDK trên bìa sách mà không cần biết nội dung quyển sách này (đã được dịch ra Nhật ngữ) không dính líu gì đến tiêu thuyết TDK.

Nhiều người đã dựa vào một là Hoài An Phủ Chí, hai là vào lý do trong TDK có những chi tiết phản ánh quan chế đời Minh để bảo rằng nó phải là tác phẩm viết bởi một người sống vào đời Minh (Ngô Thừa Ân) chứ không thể là một người đời Nguyên (Khâu Xử Cơ) được. Tuy nhiên, nhà nghiên cứu Nhật Bản Ôta Tatsuo là một trong những người tỏ ra ngờ vực thuyết Ngô Thừa Ân. Ông tiếc rằng từ khi Hồ Thích trong Tây Du Ký Khảo Chứng (xem Hồ Thích Văn Tồn, 1923) và Lỗ Tấn (1881-1936) trong Trung Quốc Tiểu Thuyết Sử Lược (1924) chấp nhận thuyết Ngô Thừa Ân là tác giả TDK thì thuyết này trở thành định thuyết trong học giới. Ông còn cho là gần đây, năm 1955, khi in bản chì cho TDK, Tác Gia Xuất Bản Xã và Nhân Dân Văn Học Xuất Bản Xã đã sử dụng bản Thế Đức Đường tàng trữ tại Thư Viện Bắc Kinh làm bản gốc, dùng sáu dị bản đời Thanh để hiệu đính, nhưng lại lược bỏ bài tựa của Trần Nguyên Chi lưu ý về việc tên tác giả vẫn còn chưa chắc, và đề ngay lên là «Ngô Thừa Ân trú». Vẫn theo Ôta Tatsuo, trên lập trường mục lục học, Hoài An Phủ Chí với tư cách là một văn kiện chính thức phủ Hoài An, một cơ quan hành chính, thì chỉ đề ý đến những tác phẩm có tính chất đứng đắn như Kinh, Sử, Tử Tập, cùng lắm là kịch bản (vì kịch được triều Minh chấp nhận), chứ không thể nào lý đến sự tồn tại của một tiêu

thuyết bạch thoại, cho dù nó được quần chúng yêu thích. Ông cho là may ra họ Ngô chỉ viết kịch Tây Du chứ không hề viết truyện Tây Du.

Chính ra những người chủ trương thuyết Ngô Thừa Ân không phải không có trong tay nhiều «chứng cứ» khác. Để bảo vệ luận cứ của Hồ Thích và Lỗ Tấn, học giả Trung Quốc bắt đầu tìm hiểu các tác phẩm khác của Ngô Thừa Ân như Xạ Dương Tập (sau này được chỉnh lý lại dưới cái tên Xạ Dương Tiên Sinh Tồn Cảo) và đã có thể biện minh cho liên quan giữa họ Ngô và tiểu thuyết Tây Du Ký bằng những lý lẽ như sau:

1) Trong Xạ Dương Tiên Sinh Tồn Cảo, quyển 1 có bài Nhị Lang Suu Thần Đồ Ca Bình Tự (đề tựa bức tranh vẽ thần Nhị Lang đi tuần núi bắt yêu quái) viết theo lối thất ngôn cổ thi. Nội dung thơ có nhắc đến việc «thần Nhị Lang có chim ưng và chó săn, có thể bắt được cả khi già» (câu 9 và 11). Nhị Lang có thể là Dương Tiễn (đã có mặt trong Phong Thần Diễn Nghĩa), từng giao tranh kịch liệt với Tề Thiên Đại Thánh trên thiên cung trong hồi thứ 6 của TDK chẳng? (mặc dù có một thần Nhị Lang khác trong Nguyên khúc và Minh khúc tên Triệu Dục, gần thời đại với Ngô Thừa Ân hơn).

2) Cùng trong quyển 1 của tồn cảo này có bài Hải Hạc Bàn Đào Biên (Bài thơ về bàn đào hạc biển) viết năm kỷ sửu đời Gia Tĩnh (1529) có tả cảnh quả tiên bàn đào bên bờ Dao Trì ở Côn Lôn, nhắc đến Đông Phương Sóc và Tây Vương Mẫu. Câu 7 còn viết: (Cây đào tiên) sinh hoa kết trái 6 nghìn năm.

3) Quyển 3 trong tồn cảo lại có bài Bát Trì Sơn Khuyên Duyên Kệ (Bài kệ khuyên người nên đến tìm đạo ở núi Bát Trì) bắt đầu với hai câu «ta nghe nói Nam Thiệm Bộ Châu có 72 phúc địa mà một trong số đó là núi Bát Trì». Ngoài việc dùng chữ Nam Thiệm Bộ Châu phản ánh vũ trụ quan Ấn Độ và có thấy ghi ở đầu Tây Du Ký, bài thơ còn có những câu nhắc đến sự hỗn hợp hài hòa giữa Phật Giáo và Đạo Giáo, ăn khớp với tinh thần TDK.

Những dẫn chứng trên có thể làm nặng cán cân về thuyết Ngô Thừa Ân, nhưng vẫn chưa thấy một chứng cứ quyết định nào để nói rằng ông là tác giả của tiểu thuyết TDK. Vẫn còn nhà nghiên cứu Đài Loan Trần Đôn Phủ cố bênh vực (một cách tài tình) cho thuyết Khâu Xử Cơ, và mười năm gần đây, nhiều học giả Bắc Kinh không ngừng xét lại thuyết cho Ngô Thừa Ân là tác giả của «bách hồi bản» TDK.

Ba bản Tây Du Ký

Tiểu thuyết Tây Du Ký hình thành vào đời Minh, thời của tứ đại tiểu thuyết và cũng là tứ đại kỳ thư, ngang hàng với Tam Quốc Chí Thông Tục Diễn Nghĩa, Thủy Hử Truyện và Kim Bình Mai. Người ta nhận ra dấu vết của TDK trong những tác phẩm kia và ngược lại. Không gian của TDK bao trùm lên nhiều tiểu thuyết có một giá trị nhất định khác như Bình Yên Truyện, Phong Thần Diễn Nghĩa, hoặc có liên quan không ít thời nhiều với nó như Đông Du Ký, Bắc Du Ký và Nam Du Ký. TDK còn có liên hệ đến những hí khúc mà phần lớn tác giả và thời kỳ thành lập đều không rõ ràng. Những kịch bản ấy mà nội dung có liên hệ đến TDK và còn được nhắc nhở là Tỏa Ma Kính, Tây Du Ký Tạp Kịch, Na Tra Tam Biến, Tỏa Bạch Viên, Tề Thiên Đại Thánh, Trảm Kiện Giao và Ngũ Long Triều Thánh.

Riêng nói về bộ môn tiểu thuyết thời, ít nhất có 3 bản Tây Du:

1) Đỉnh Khiết (Khắc) Toàn Tướng Tam Tạng Tây Du (Thích Ni) Truyện tục gọi Chu Đỉnh Thần bản Tây Du Ký, Chu Đỉnh Thần biên soạn, 10 quyển, san hành dưới đời Vạn Lịch (1573-1620).

2) Tân Khắc Xuất Tượng Quan Bản Đại Tự Tây Du Ký tục gọi Thế Đức Đường bản Tây Du Ký, tác giả thường cho là do Ngô Thừa Ân soạn và phát hành năm Vạn Lịch 20 (1592).

3) Tân Khiết (Khắc) Đường Tam Tạng Xuất Thân Toàn Truyện tục gọi Dương Chí Hòa bản Tây Du Ký do Dương Chí Hòa biên, niên đại biên soạn và phát hành không rõ, được liệt vào một trong Tứ Du Ký.

Bản Thế Đức Đường và bản Dương Chí Hoà có lẽ đều được in ra trước bản Chu Đỉnh Thần, nhưng bản của họ Dương chỉ là một quyển TDK rút gọn (digest) và là một thành phần của Tứ Du Ký (trong đó Bắc Du nói về Chân Vũ Tổ Sư, Nam Du nói về Hoa Quang Thiên Vương và Đông Du kể chuyện Bát Tiên Quá Hải). Còn Bản Chu Đỉnh Thần hình như ra đời để đối kháng (thương mại hay tôn giáo?) với bản Thế Đức Đường, nhưng nội dung cũng tương tự như thế.

Tôn Ngô Không là ai?

Theo các thi thoại đời Tống nghĩa là văn kiện liên hệ sớm nhất với TDK, tiền thân Tôn Ngô Không là con khỉ tánh linh ở động Tử Vân núi Hoa Quả, tự xưng Bát Vạn Tứ Thiên Đồng Đầu Thiết Ngạch Mi (Di) Hầu Vương, năm 800 tuổi ăn trộm ở Tây Vương Mẫu Trì 10 quả bàn đào, bị Tây Vương Mẫu sai đánh 3800 thiết bổng. Về sau dưới dạng bạch y tú tài gặp đoàn thỉnh kinh

của Huyền Trang và xin đi theo. Huyền Trang bèn đặt tên cho là Hầu Hành Giả.

Bản TDK đời Nguyên thu lục được một phần trong Phác Thông Sự Ngạn Giải cho biết quê quán Tôn Ngô Không ở động Thủy Liêm, núi Hoa Quả. Tự xưng Tề Thiên Đại Thánh, trên thiên cung trộm bàn đào và áo tiên, đánh nhau với Lý Thiên Vương và Đại Lực Thần. Quán Khẩu Nhị Lang Thần xuất binh theo lời mời của Thái Tử Mộc Xoa, đánh bắt được. Cự Linh Thần theo lệnh Quan Âm giam dưới núi Hoa Quả, được Huyền Trang trên đường thỉnh kinh cứu gỡ, đặt cho pháp danh Ngô Không, sau đổi thành Tôn Hành Giả.

Trong các kịch bản đời Minh, TNK quê ở động Tử Vân La, hiệu Thông Thiên (Đạo Thiên) Đại Thánh, xưng là Tôn Hành Giả. Có anh là Tề Thiên Đại Thánh, em là Yêu Yêu Tam Lang, chị là Lê Sơn Lão Mẫu. Bắt cóc được nữ vương nước Kim Đỉnh đem về làm vợ. Ăn trộm tiên y, tiên mào, tiên đào, tiên tửu. Đem áo và nón tiên tặng vợ, mở Khánh Tiên Y Hội. Bị Quan Âm và Lý Thiên Vương bắt. Quan Âm giam dưới núi Hoa Quả. Được Huyền Trang giải cứu trên đường thỉnh kinh. Tôn Ngô Không là pháp danh Quan Âm ban cho.

Bản TDK đời Minh cho biết TNK sinh ở núi Hoa Quả nước Ngao Lai và sống ở động Thủy Liêm. Xưng Mỹ Hầu Vương, hiệu Tề Thiên Đại Thánh. Trộm kim đan của Lão Quân và bàn đào của Tây Vương Mẫu. Đánh nhau với Mộc Xoa (Huệ Ngạn, đệ tử Quan Âm và con thứ 2 Lý Thiên Vương), Hiền Thánh Nhị Lang Chân Quân, và Na Tra Thái Tử. Cuối cùng bị chó của Nhị Lang cắn và Lão Tử dùng thiết luân bắt được. Ngọc Đế ra lệnh xử tử nhưng trốn khỏi lò bát quái của Lão Quân. Cuối cùng bị Như Lai ập bàn tay đè dưới Ngũ Hành Sơn. Năm trăm năm sau, Huyền Trang cứu thoát, cùng đi thỉnh kinh. Tên Tôn Ngô Không do thầy là Tu Bồ Đề Tổ Sư đặt cho. Huyền Trang gọi là Tôn Hành Giả.

Cái tên Tôn Ngô Không có nghĩa thế nào? Tôn là một họ thông thường nhưng có thể khiến ta liên tưởng tới khi (Bản Thảo Cương Mục của Lý Thời Trân có nói đến hai giống khỉ lông ngắn, đuôi ngắn tên gọi Hồ Tôn⁸ và Vương Tôn). Theo thuyết của Ôta Tatsuo, chữ Không trong Ngô Không lấy từ câu « Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc » của Bát Nhã Tâm Kinh để giới răn tính háo sắc (dĩ nhiên chữ Sắc trong kinh Bát Nhã có nghĩa rộng hơn chữ sắc thông dụng nhiều). Thuyết của Isobe Akira lại cho biết trên thực tế có vị tăng hiệu là Ngô Không, người đời Huyền Tông (sau đó) đã đi lấy

kinh ở Tây Phương, cực khổ chẳng khác Tôn Hành Giả giúp Tam Tạng lúc đi thỉnh kinh (đời Cao Tông trước đó), nên tặng mỹ xưng đó cho hành giả họ Tôn chẳng? Vị tăng Ngô Không này có tên trong Tổng Cao Tăng Truyện, Đường Thượng Đô Chương Kính Tự, Ngô Không Truyện. Tục danh của ông là Xa Phụng Triều, dòng dõi hoàng tộc họ Thác Bạt nhà Bắc Ngụy (386-534). Ông theo Trương Thao Quang đi sứ Ấn Độ, đến nơi năm Thiên Bảo thứ 12 (753) nhưng lâm bệnh phải ở lại, xuất gia bên đó, hiệu là Dharmadhātu (tiếng Hán là tăng Pháp Giới). Sau đó, ông vân du khắp nơi ở Ấn, đem kinh Phật về Khotan (Vu Điền) và Kuchya (Qui Tư) dịch dân ra Hán Văn rồi mang về Trường An năm Trinh Nguyên thứ 5 (789). Năm sau, ông được sắc phong làm sư thực sự, lấy hiệu là Ngô Không và tu ở chùa Chương Kính. Chúng ta nên lưu ý một điểm là trong Tổng Cao Tăng Truyện, có đoạn kể về tăng Ngô Không khi đi qua nước Tohala (Đô Quá La) bị mưa to gió lớn, đã cầu được Long Thần cho mưa tạnh gió an. Ở điểm này, tăng Ngô Không đã có thể thực hiện được phép lạ như Tôn Ngô Không.

*

Dẫu muốn nhượng bộ đến đâu, ta vẫn thấy không thể một cá nhân Ngô Thừa Ân nào có thể soạn được một tác phẩm súc tích như TDK. Để xây dựng tác phẩm TDK, không những phải vận dụng gì ba nguồn văn học từ đời Tống, Nguyên (thi thoại, kịch, truyện) mà còn cần cả các nguồn tư liệu xa xưa khác mà ta mới chỉ bắt gặp một vài mảnh vụn. Tuy nhiên, trong bài viết này, xin phép tập trung vào nguồn tư liệu chính là dân thoại (folk tale), vì bản thân tiểu thuyết TDK là một kho tàng dân thoại vô cùng phong phú. Ta sẽ bắt đầu từ dân thoại Trung Quốc rồi lội ngược dòng lên dân thoại Ấn Độ và Ả Rập để xem nhân vật tiểu thuyết Tôn Ngô Không vốn được cấu tạo bằng những chất liệu gì và đã đến từ đâu, bởi vì cũng như pháp thuật của lão Tôn, nguồn sinh lực và khí phách của ông đã tỏa rộng và bay bổng vượt qua không biết bao nhiêu là biên giới.

Con khỉ trong dân thoại (truyện dân gian) và truyện kỳ9 Trung Quốc

Người Trung Quốc phân biệt vượn (viên)¹⁰ và khỉ (hầu). Học giả đời Minh, Lý Thời Trân trong Bản Thảo Cương Mục cho rằng vượn ở Trung Quốc thường thấy ở vùng núi sâu Tứ Xuyên, Quảng Đông, to lớn hơn khỉ, tay cực dài, và sống lâu. Như định nghĩa này thì chắc ông muốn nói vượn là loại khỉ tay dài (Hylobatidae, tay dài, đuôi ngắn) không những thấy ở Tứ Xuyên, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam mà còn ở vùng Đông Nam Á (bán đảo Đông Dương, bán đảo Mã Lai, Sumatra, Java, Borneo). Về khỉ thì Lý Thời

Trên cho biết có nhiều loại, từ nhỏ đến lớn, thường là nhỏ con và người ta dễ gặp hơn. Khi hay thấy ở Trung quốc là khi mặt hồng và khi lông đỏ (thuộc họ Cercopithecidae, tay ngắn, đuôi ngắn) cũng là giống khi thấy ở Đông Nam Á (Việt Nam, Miến Điện, Thái Lan và Bắc Ấn Độ). Khi lông đỏ phân bố nhiều ở phía nam sông Trường Giang, có gương mặt giống hình ảnh vẽ về Tôn Ngộ Không, chỉ cao độ 55cm. Nếu TNK thuộc loại mi (di) hầu thì thân thể phải to cao hơn, nhất là đóng vai khi đầu đàn. Trong tiếng Nhật, để viết saru (khi) người ta dùng chữ Hán viên, nhưng Trung Quốc phân biệt viên và hầu kỹ càng hơn.

Nhà Đông Phương Học và ngoại giao người Hòa Lan G. H. van Gulik¹¹ cho rằng hầu (monkey) là giống khi nhỏ như khi đi theo chủ đóng trò ngoài đường phố, lang thang hết chỗ này đến chỗ nọ, trong khi viên, «cao cấp hơn», sống trong rừng sâu với thi nhân và người ở ẩn. Hầu mới đúng là con khi hiếu kỳ, nghịch ngợm, gian trá mưu mẹo như người, con khi ăn trộm đào và lẻo đẻo sau lưng chủ trên con đường thỉnh kinh dằng dặc. Nó mới là nhân vật chính của TDK, tác phẩm thế kỷ 16 ấy. Con hầu đó đã theo kinh Phật vào Trung Quốc từ đầu công nguyên và đem theo nó cả một kho tàng dân thoại Ấn Độ. Ngược lại, con viên (ape), con vượn dài tay kia là sản phẩm của Trung Quốc. Nó tượng trưng cho tình cảm và ý nghĩ thoát tục, sâu xa và thần bí của những nhà tư tưởng và văn học, thi nhân, họa gia...

Sách vở cho biết ngày xưa người Trung Quốc sống gần với khi vượn và viên có vai trò quan trọng hơn hầu. Đạo sĩ Cát Hồng đời Tấn (thế kỷ thứ 4) viết: «Mi (Di) hầu sống 800 năm thì thành vượn» (Bảo Phác Tử). Thái Bình Ngự Lãm thời Tống cho biết: «Chu Mục Vương nam chinh. Tướng sĩ hóa hết. Quân tử hoá thành vượn hay hạc, tiểu nhân thành trùng. Hoài Nam Tử của Lưu An chép: «Sở Vương mất con vượn, sai phạt cây để tìm làm tan hoang cả rừng». Con vượn dài tay dần dần được thần bí hóa, nhiều khi thần tiên hóa nữa. Sách Ngô Việt Xuân Thu có kể chuyện ông lão tên Viên Công thi kiếm thuật với người con gái nước Việt, bị thua hóa thành vượn trắng leo lên cây. Sơn Hải Kinh đời Hán cũng hai lần nhắc đến vượn trắng nhưng phải đợi đến đời Đường mới thần bí hóa nó và hình ảnh vượn trắng trở thành nhân tố quan trọng trong việc xây dựng hình tượng nhân vật TNK.

Trong khi con vượn được đưa vào văn học, như lúc ví von về nỗi buồn thảm thiết người ta hay dùng chữ viên đề, viên minh, viên thanh...¹². thì những giống như tinh tinh (đười ươi, họ Pongidae), phỉ phỉ (họ Cercopithecoidea) được tả là có mặt giống mặt người, biết bắt chước tiếng người, lại ít khi được văn gia đề ý. Có chăng là những chuyện tinh tinh cái, chính là dã bà,

dã nữ, vì không có đực nên bắt cóc đàn ông về làm chồng¹³ (Chu Mật, Tề Đông Dã Thoại) còn phí phí hay xoa tóc, chạy rất nhanh, gặp người thì cười và bắt ăn thịt (Sơn Hải Kinh, Quách Phác chú). Cho dầu những chuyện trên chỉ là hoang đường, nhưng nó chứng tỏ sức tưởng tượng phong phú của dân gian, quan trọng đối với quá trình hư cấu nhân vật tiểu thuyết.

Mô típ dân thoại về khỉ vượn

Hí khúc Tây Du Ký có nói đến chuyện TNK bắt cóc nữ vương nước Kim Đỉnh về làm vợ. Mô-típ vượn đực bắt cóc vợ người cũng đầy đầy trong văn học dân gian Trung Quốc.

Dịch Lâm của Tiêu Diên Thọ đời Hán đã kể có người bị một con vượn lớn cướp người thiếp yêu nhưng sợ không dám đuổi theo, từ đó đành ngủ một mình. Suru Thần Ký do Can Bảo đời Tấn cũng viết chuyện «trong đất Thục, có giống vượn bắt cóc người làm vợ, sinh con. Đàn bà về ở với chúng dần dà đâm ra u mê cả. Sinh con toàn lấy họ Dương»¹⁴. Truyện giống y như thế cũng được ghi lại trong Bắc Vật Chí của Trương Hoa và Đậu Dương Tạt Trở của Đoàn Thành Thức. Nổi tiếng hơn cả có lẽ là Bồ Giang Tổng Bạch Viên Truyện, kể về chuyện tướng Âu Dương Hột đi cứu người vợ đẹp bị con vượn trắng có sức mạnh vô song bắt đem về núi. Truyện này bỏ tước Bạch Viên Truyện của Giang Tổng đời Trần¹⁵.

Sự linh thiêng của loài vượn đã thành đề tài của thi phú và thuyết thoại (shuo hua). Phó Huyền đời Tấn viết Viên Hầu Phú, Ngô Quân đời Đường viết Huyền Viên Phú, Lý Đức Dự viết Bạch Viên Phú, Liễu Tôn Nguyên viết Tặng Vương Tôn Văn. Đáng kể hơn nữa là đầu đời Tống có Từ Huyền ghi lại trong Kê Thân Lục truyện Lão Hầu Thiết Phụ Nhân (Khi già trộm đàn bà) và trong khoảng năm Thuần Hi, Chu Khứ Phi trong Lĩnh Ngoại Đại Đáp có viết về Quế Lâm Hầu Yêu, nói đến một con khi già vài trăm tuổi ở phủ Tĩnh Giang (Quế Lâm), biến hóa thần thông, chuyên bắt gái đẹp. Lại có truyện Thân Dương Động Ký trong Tiễn Đẳng Tân Thoại của Cù Hựu đời Minh kể truyện chàng thợ săn Lý Đức Phùng lọt vào động Thân Dương cũng ở Quế Lâm và cứu 3 nàng con gái bị vượn bắt cóc. Hồng Tiện đời Minh biên Thanh Bình Sơn Đường Thoại Bản, trong đó có Trần Tuần Kiểm Mai Lĩnh Thất Thê Ký kể truyện nàng Như Xuân, vợ của Tuần Kiểm Trần Tân đời Tống Huy Tôn, một đêm bị con tinh vượn tên Thân Dương Công¹⁶, hiệu ...Tề Thiên Đại Thánh nổi một trận gió bắt cóc từ nhà trọ phía bắc Mai Lĩnh (Phúc Kiến) đem về động. Trần Tuần Kiểm ra công đi tìm vợ, ba năm sau mới tìm ra dấu vết một con vượn trắng đến nghe giảng Phật pháp ở chùa

Hồng Liên, phải nhờ một vị tu hành tên Tử Dương Chân Nhân lấy xiềng trói nó lại.

Ngoài mô-típ về con khi háo sắc, còn có mô-típ về con khi bị giam cầm. Trong «thi thoại» đời Tống không thấy chi tiết Tôn Hành Giả bị đê dưới núi đá, nhưng các truyện Tây Du kể từ đời Nguyên trở đi, không đâu là không có mô-típ con khi bị giam. Đường Quốc Sử Bỏ đời Thịnh Đường có chép chuyện ông câu trên Hoài Hà ở Giang Tô thấy lưới câu bị vướng xích sắt dưới lòng sông mới đi báo quan. Thứ sử Lý Dương cho người tới kéo xích thì một con khi đen lớn (thanh mi hầu) trồi lên rồi lại lặn mất. Có người tra cứu Sơn Hải Kinh mới biết con khi đó là Vô Chi Kỳ, bị vua Vũ nhà Hạ xiềng dưới núi Quân Sơn. Lý Công Tá, tác giả truyền kỳ nổi tiếng Nam Kha Thái Thú Truyện cũng có lần (trong truyện Lý Thang) kể về con khi khổng lồ đầu bạc, răng trắng, móng vàng bị xiềng trên sông, tương tự như câu chuyện thấy trong Đường Quốc Sử Bỏ. Ngoài ra, Vương Tượng Chi đời Nam Tống trong quyển sách địa lý Dư Địa Ký Thắng lại đưa ra sự tích nhà sư nước Khang Cư (Sogdian) từ Tây Vực đến, tên gọi Tăng Già (Sangha, có chỗ cho là hóa thân của Quan Âm vốn hay cứu người bị nạn thủy) đã hàng phục con quái vật Vô Chi Kỳ ấy.

Một mô-típ cũng thú vị không kém là mô típ về con khi đi thỉnh kinh.

Học giả Trần Dân Khắc trong bài viết nhan đề Tây Du Ký Huyền Trang Đệ Tử Cổ Sự Chi Diễn Biến có viết như sau: «Ấn Độ vốn có nhiều cổ sự về khi vượn nhưng không nghe nói có chuyện viên hầu náo thiên. Ở Trung Quốc cổ sự về khi vượn cũng nhiều nhưng luân lý TQ nghiêm khắc ngăn cấm sự đảo nghịch giữa vua và tôi, người và thú». Ông Trần dẫn 2 kinh Phật Đại Trang Nghiêm Kinh Luận và Hiền Ngu Kinh nói về Đỉnh Thiên Vương Náo Thiên và xem sự tích này như là điểm bắt nguồn của sự tích Tôn Hành Giả Đại Náo Thiên Cung. Tuy nhiên, vì ông không lập được liên hệ giữa Đỉnh Thiên Vương và Tôn Ngộ Không nên thuyết này thiếu tính thuyết phục.

Ngược lại, Uchida Michio khi nghiên cứu về sự hình thành TDK đã trưng ra liên hệ giữa kinh Phật và TDK ở sự tích ti kheo Bà Tu Mật Đa (Vasumitra) trong Phật Thuyết Sư Tử Nguyệt Phật Bản Sinh Kinh. «Ti kheo leo lên cây bắt chước tiếng mi hầu kêu thì tám vạn bốn nghìn mi hầu lông vàng tụ tập lại». Trong tiền kiếp, ti kheo tên là Liên Hoa Tạng, thân với quốc vương và các trưởng giả, nhưng vì trễ nãi việc giữ giới hạnh phải xuống địa ngục A Tỳ thành ngạ quỷ, ăn sắt uống đồng, sau tám vạn bốn nghìn năm được đầu thai qua nhiều kiếp thú vật. Đến khi thành mi hầu thì nhờ giữ giới mới thành ti

kheo, sau là Sư Tử Nguyệt Như Lai. Những chi tiết «ăn sắt uống đồng», «tám vạn bốn nghìn năm» đều được thấy ở TDK đời Nguyên dẫn ra trong Phác Thông Sự Thông Giải và thi thoại đời Minh. Uchida nhân đó kết luận là câu chuyện Sư Tử Bản Sinh Đàm là nguồn cội trực tiếp của TNK.

Mô típ con khỉ tu hành còn thấy trong Tiền Đăng Thi Thoại (Thính Kinh Viên Ký) của Lý Trinh đời Minh, qua truyện viết về con khỉ Viễn Tôn mặc cà sa đi tu thành Phật. Nguyên khúc có vở Long Tế Sơn Dã Hầu Thính Kinh kể chuyện tương tự. Ngay cả Thất Thê Ký đã dẫn cũng có chương nói về con khỉ đến nghe kinh ở Hồng Liên Tự.

Liên hệ giữa Huyền Trang và Tôn Ngộ Không, hay liên hệ giữa nhà tu hành, việc lấy kinh Phật và con khỉ cũng đã được thấy trong bài tựa Đại Nhật Kinh của cao tăng Ấn Độ đến TQ đời Huyền Tông tên Tu Bà Già La¹⁷ (Subhakarashinha, 637-735), tiếng Hán gọi là Tĩnh Giới hay Thiên Vô Úy qua chuyện con khỉ mất kinh đi đòi. Ngoài ra, sách Đường Triều Danh Họa Lục của Chu Cảnh Huyền cũng có nhắc đến bức tranh của tăng Uất Trì Ất chùa Báo Ân Tự (chùa này có liên lạc mật thiết với Huyền Trang) vẽ hình 12 bộ chúng của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Âm trong đó có con mi hầu tên gọi Tất Bà Già La Vương. Isobe Akira phỏng đoán Quan Âm có thể đã đóng vai môi giới để Huyền Trang và mi hầu gặp gỡ nhau.

Ngoài những mô-típ về khỉ đã kể ra, chúng ta không quên những chi tiết trong dân thoại và truyền kỳ có liên quan gần xa tới hành tung của nhân vật Tôn Ngộ Không. Xin đơn cử:

1) **Từ đá nứt ra:** Tôn Ngộ Không có nguồn gốc siêu phàm vì là con thạch hầu sinh ra từ hòn đá đã hấp thụ tinh hoa nhật nguyệt. Hình thức sinh đẻ này gọi là «luỡng tính câu hữu» (androgynous) vì sinh ra từ một vật có cả 2 sinh thực khí nam nữ cùng lúc. Nó tượng trưng cho mô-típ nguồn gốc linh thiêng của các nhân vật thần bí. Trong các văn minh như Maya, Incas, Hi Lạp, từ những vùng như Caucase cho đến các đảo Đại Dương Châu, ta đều thấy mô-típ từ đá sinh ra. Thần thoại Trung Quốc có nói đến vua Vũ nhà Hạ từ trụ đá sinh ra. Khai, con của Vũ cũng từ đá nứt chui ra sau khi mẹ là Đờ Sơn Thị (có thuyết cho chính là Nữ Oa, người luyện đá ngũ sắc vá trời) hóa đá ở Tung Cao Sơn. Núi Trung Nhạc (Tung Sơn), vùng Hồ Nam, tương truyền hãy còn dấu hòn đá tên Khai (Khai?) Mẫu Thạch.

2) **Tái sinh:** Tôn Ngộ Không phá phách tức là đứng về phía chống đối lại trật tự đã an bài. Việc TNK bị giam trong lò bát quái và dưới núi Ngũ Hành

tượng trưng cho sự chết và tái sinh. Nếu không như thế, sự trở về «chính nghĩa» để làm người đi lấy kinh của TNK khó giải thích. Na Tra cũng phải lóc thịt, trả cha mẹ để sau này trở thành Thiện Tài Đồng Tử, từ nhân vật phản diện đổi qua chính diện.

3) **Ăn trộm đào tiên:** Truyện Đông Phương Sóc kiếp trước ăn trộm đào tương truyền có chép trong Hán Vũ Cố Sự. Quyển sách nói trên đã mất, nhưng Lỗ Tấn tìm lại được dấu vết ở Nghệ Văn Ngoại Uyển và ghi lại dẫn dụng về sự tích này trong tác phẩm Cổ Tiểu Thuyết Câu Trầm của ông.

4) **Hoa quả có hình người:** Đây là một chi tiết thú vị vì nó đưa ta tiếp xúc với các dân thoại xa xôi hơn. Lý Thời Trân đã dẫn dụng trong Bản Thảo Cương Mục từ quyển sách đã thất lạc tên là Quảng Ngũ Hành Ký truyện củ nhân sâm đời Tùy Văn Đế có cả tứ chi và biết khóc như người ở vùng Thượng Đẳng (Sơn Tây bây giờ). Sách Dị Uyển cuối thế kỷ thứ 5 đã nói về những «thảo yêu», loại củ có hình người. Chúng ta biết củ tượng trưng cho sinh thực khí nam và đào tượng trưng cho sinh thực khí nữ. Kinh Thi ví người đàn bà có chồng là «đào yêu», tượng trưng cho sự sung mãn và phồn thực. Hình tượng quả đào trường sinh của Tây Vương Mẫu ba nghìn năm mới ra quả như Hán Vũ Cố Sự kể lại có thể đến từ Đại Thực (Ả Rập), vì sách Thuật Dị Ký (do người thời Đường mượn tiếng Nhiệm Phưong đời Lương (thế kỷ thứ 6) viết, đã tả những quả có hình người và còn biết cười nữa. Thực ra những tin tức này đến từ Thông Điển của một người cuối đời Đường tên Đỗ Hựu, lấy tin từ một thân nhân tên Đỗ Hoàn. Hoàn đã theo Cao Tiên Chi hành quân ở Trung Á năm Thiên Bảo thứ 10 (751) và bị bắt cầm tù giải về Damascus (Syria). Mười năm sau, trở lại cố hương, Hoàn viết sách Kinh Hành Ký có ghi việc này, nhưng sách đã thất lạc. Không hiểu quả Hoàn muốn nói là quả gì? Mặt khác, cuối thế kỷ 13, Chu Mật đã viết Quý Tân Tạp Thức, trong đó có nói về một thứ quả độc tên gọi «áp bất lư» (yabruh?) đến từ nước Hồi Hồi. Dù không biết đích xác về quả này, nhưng ta thấy rằng vào thế kỷ 13, giao dịch giữa Tuyền Châu (Zaytoun) và các nước Nam Á, Trung Cận Đông đã rộng rãi, và người TQ có dịp nghe những chuyện lạ của các vùng đất đó.

Con khỉ Ấn Độ Hanumân đã đến Trung Quốc bằng lối nào?

Khi khảo sát về sự hình thành của nhân vật Tôn Ngộ Không (TNK), nếu bỏ qua tác phẩm thi ca trữ tình Râmâyana đến từ Ấn Độ là một điều thiếu sót. Quyển sách này đề cập đến con khỉ anh hùng Hanumân, (đáng lẽ phải đọc là Hanumat mới đúng văn phạm). Đã lâu, nhà dân tộc học người Nhật

Kumakata Kumagusu (1867-1941) khi đọc xong Râmâyana, có lần viết về cảm tưởng rằng Hanumân chắc là tiền thân của Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký. Hồ Thích trong Tây Du Ký Khảo Chứng cũng đưa ra thuyết Hanumân chính là tổ tiên của TNK. Ngược lại, trong một bài giảng về truyền kỳ đời Đường, Lỗ Tấn đã dựa vào cổ thư đã trình bày ở trên (Sơn Hải Kinh, sự tích con khỉ Vô Chi Kỳ đã bị vua Vũ khi đi trị thủy xiềng dưới chân núi Quân Sơn) để chủ trương TNK trong TDK là một con khỉ hoàn toàn Trung Quốc, và con khỉ bị giam trong núi này có thể là tổ tiên trực tiếp của TNK. Từ đó, không ai chịu ai, nhưng đa số các nhà nghiên cứu tán đồng lập luận về ảnh hưởng của Hanumân.

Bàn về nguồn gốc của TNK, nếu chỉ dựa vào một truyền thuyết duy nhất, ta sẽ dễ lạc đường. Có thể ta phải chấp nhận yếu tố «khỉ» là chính yếu trong quá trình hình thành nhân vật TNK, nhưng không nên dừng lại ở đó. Cho nên, bảo Hanumân có đóng góp phần nào vào sự thành lập hình tượng TNK có lẽ thỏa đáng hơn, nhất là trên con đường sang Trung Quốc, Râmâyana có thể biến dạng vì những khó khăn về phiên dịch và truyền đạt.

Râmâyana là tác phẩm thơ trữ tình trường thiên, gồm 7 biên 4 vạn 8 nghìn câu (tụng) do thi tiên Vâlmiki soạn lại vào thế kỷ thứ 2 bằng Phạn ngữ (Sankrit), từ truyện thơ truyền khẩu ở Ấn Độ suốt thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 4 trước công nguyên. Xin tóm lược câu chuyện như sau:

Quốc vương Dasaratha nước Ayodhyâ có ba vợ. Bà cả Kausalyâ sinh Râma, bà thứ Kaikeyi sinh Bharata, bà ba Sumitrâ sinh đôi Laksmana và Satrugna...., tất cả có 6 vương tử. Thái tử Râma, bị mưu kế của bà Kaikeyi ton hót với vua để giành ngôi cho Bharata, bị phụ vương bắt phải sống trong rừng với vợ là Sita và em khác mẹ là Laksmana. Quốc vương Dasaratha chết, Bharata mời anh về làm vua nhưng Râma không muốn trái mệnh cha, trao đôi hài vàng để em lên làm vua, hẹn 14 năm sau sẽ trở về ngôi rồi vẫn ở lại trong rừng. Vì vua quỷ Râvana bắt cóc vương phi Sita, Râma và em phải lên đường đi tìm nàng. Trên đường, cứu được vua khỉ Sugrivra, nên vua đền ơn bằng cách cho quân sư của mình là Hanumân dẫn binh hầu tướng khỉ giúp sức đi tìm vợ. Hanumân trở tài thần võ diệt giặc, đoạt lại được nàng Sita đang bị giam ở đảo Lanka cho Râma, vừa vặn lúc hết thời hạn ước hẹn 14 năm để về làm vua trở lại.

Nói về đặc điểm của Hanumân, theo K.C. Aryan (Hanumân in Art and Mythology), trước hết là cái đuôi dài (các tượng Hanumân khai quật được ở miền Nam Ấn Độ cũng xác định điều đó), dù càng về cận đại, hình tượng

Hanumân lại càng được vẽ cho giống người thêm. Theo hai tác giả Joginder Narula (Hanumân) và Catherin Ludvik (Hanumân) thì Hanumân thông minh tài trí, hiểu biết sự vật và thời cơ một cách tinh tường. Ngoài ra còn biết bay bổng tự do trong không trung, thu giãn thân thể ngắn dài như ý muốn, và có thể biến hóa thành người. Những chi tiết này có thể tăng thêm sức thuyết phục cho lập luận của Minakata Kumagusu và Hồ Thích, xem Hanumân là tổ tiên của TNK. Thế nhưng, Râmâyana đã đưa Hanumân vào Trung Quốc bằng đường nào?

Đường bộ phía Bắc theo kinh Phật?

Minakata Kumagusu cũng cho biết tăng nhân người Sogdian (Khang Cư, dân tộc vùng Trung Á, gốc Ba Tư) Khang Tăng Hội đến Trung Quốc vào cuối thế kỷ thứ 3 có kể sơ về truyện Râmâyana khi dịch Lục Độ Tập Kinh, trong đó có truyện hầu vương sai quân lấy đá lấp biển để cứu một vương phi bị rồng bắt giam trên đảo. Ngoài ra, Minakata còn nói đến vị tăng người Kashmir tên Bạt Trừng đã dịch một đoạn Râmâyana vào cuối thế kỷ thứ 4 với mục đích chống việc sát sinh gây ra bởi chiến tranh. Truyện Râmâyana còn được nhắc tới vào hậu bán thế kỷ thứ 5 bởi hai nhà tu ngoại quốc Kiệt Ca Dạ (Kimkaryâ?) và Đàm Diệu trong bản dịch Tạp Bảo Tàng Kinh, nhưng ngoài việc ca tụng tấm gương trung hiếu của La Ma thái tử (Râma) và hoàng tử Bà La Đà (Bharata), không hề nhắc tới Sita lẫn Hanumân. Nói chung, những bản dịch kể trên đều không thấy nói đến tài nghệ tuyệt luân của Hanumân, điểm mà chúng ta chú mục.

Đến nay, vẫn chưa thấy bản Râmâyana chữ Hán nào nói đến tài nghệ của Hanumân. Nếu có thì đã thất lạc đâu chăng? Chỉ biết gần đây, người ta đã phát hiện được bản dịch Râmâyana ra tiếng Khotan¹⁸ và bản văn tiếng Tây Tạng tìm ra ở thạch động ở Đôn Hoàng (Tunhuang)¹⁹, cả hai đều miêu tả sức mạnh thần thông của Hanumân. Do những điều kiện địa lý và lịch sử mà ta không còn lạ gì, có lẽ người Trung Quốc đã tiếp xúc với văn bản viết bằng hai thứ tiếng trên. Và ta còn có thể giả định rằng những chi tiết thú vị về sức thần thông của Hanumân nếu không truyền qua văn bản thì vẫn truyền miệng qua lời kể giữa dân chúng trong lúc thông thương và giao lưu với nhau, lại hòa quyện với những cổ tích, dân thoại, Phật điển... về khi vượn đã có sẵn từ lâu đời và rất phong phú ở Trung Quốc.

Hình tượng con khi biết bay có lẽ gây ấn tượng nhiều nhất. Nhà nghiên cứu Nhật Bản Torii Ryuzô chụp lại bản họa trên đá đào được trong một ngôi mộ đời Liêu khắc cảnh được phỏng đoán là «cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa hai thầy

trò Huyền Trang»: một người đầu, tóc, mặt như khi, quần áo chiến đấu, ở trên mây trong tư thế cân đầu vùn, một người đứng phía dưới chấp tay như bái vọng. Triều Liêu đã bị diệt vong từ năm Tuyên Hòa thứ 7 đời Tống (1125), hơn nữa ngôi mộ này nằm mãi ở An Sơn (Mãn Châu) và tướng mạo người mặt khi trên mây lại giống Thâm Sa Thần đã hiện ra và trợ giúp cho Huyền Trang khi đói lạnh ở Lưu Sa Hà hơn là giống Tôn Ngộ Không (vì mồm không dẩu ra như khi mà tóc lại dựng ngược) nên sử liệu của Torii thật quá «ngon» để có thể tin.

Nhân vật Hầu Hành Giả trong thi thoại đời Tống thì đúng là tiền thân của Tôn Ngộ Không, nhưng trong các tích này, có lẽ vì quá ít yêu quái nên không trở được hết thần thông chăng? Đến bản TDK đời Nguyên mà thông sự họ Phác trích dẫn trong Phác Thông Sự Ngạn Giải thì đã thấy TNK bay trên không trung, thần thông biến hóa, trừ yêu diệt quái, đúng là TNK mà chúng ta mong đợi.

Không thể phủ định việc Hanumân trong Râmâyana đã ảnh hưởng đến sự thành lập hình tượng nhân vật của Tôn Ngộ Không, nhưng ta chưa trả lời được câu hỏi tại sao đã theo đường kinh Phật vào Trung Quốc sớm thế mà Râmâyana lại nằm im lìm suốt mấy trăm năm, và phải đợi đến đời Tống, đời Nguyên mới thức dậy để bắt đầu ảnh hưởng vào truyện Tây Du. Như vậy, giả định về giai thoại truyền khẩu về Hanumân của tôi cũng không đúng nốt. Chỉ còn một lối giải thích: có một Hanumân sinh động hơn là trong kinh điển đã vào Trung Quốc giữa đời Tống và Nguyên, và lần này, bằng đường thủy!

Vâng, đường thủy đó là đường Nam Hải để đổ bộ lên Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến.

Đường thủy phía Nam theo nghệ thuật dân gian?

Râmâyana đi từ Ấn Độ băng qua Trung Á rồi lên phía Bắc như ta đã biết, nhưng lại theo một đường khác đi xuống miền Nam theo ngã Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cầm Bốt, Lào, Việt Nam, Mã Lai... Nó không những truyền đi bằng văn dịch nhưng còn qua bích họa ở các chùa chiền, tuồng kịch, ca vũ, sân khấu bóng ảnh (theater of shadow picture, theater of silhouette), nghĩa là rất nhiều hình thức nghệ thuật dân gian khác nhau và thay hình đổi dạng theo thể tài và ngôn ngữ được sử dụng.

Nhiều khi Râmâyana thay đổi đến mức lạ lùng như trong bản Tích Lan, trong đó, Sita không những thuận tình đi theo quỷ vương Ravana về đảo

Lanka²¹ sống sung sướng mà khi con khỉ Válin (?) đến kiểm mình còn cho bắt và đốt cháy đuôi. Có lẽ vì Lanka là quốc hiệu của Tích Lan (Sri-Lanka) nên người ở đây không thích thú gì khi thấy Sita sống trên đảo mình mà cứ khóc than nhớ chồng. Trong bản Miến Điện, Me Thilda (Sita) không bị Datagiri (vua quỷ Ravana) bắt về đảo Lanka mà lại đem về kinh đô của Miến thời đó ở núi Popa. Hanumân đi đến đó cứu, nhưng khi về lại bị cho lọt xuống hồ Inpaung²².

Vào thế kỷ thứ mười, Râmâyana đã được dịch ra văn tự gốc Phạn gọi là Kawi ở Java²³ và các điêu khắc tráng lệ về đề tài truyện này²⁴ còn được giữ lại trên đảo. Bản Râmâyana ở Thái Lan có tên là Ramakian²⁵, bản Căm Bốt tên là Reamker²⁶. Điêu khắc về những truyện này có thể xem ở các chùa (Vat) như Vat Paraoke và Vat Po ở Thái, và trên tường Angkor Vat và các Bayon ở Căm-Bốt. Còn ở Lào²⁷, Râmâyana đã được truyền vào từ thế kỷ thứ 7 và Lào vẫn còn giữ được nhiều bích họa liên quan đến nó ở Vat Pa Ke và Vat Mai, hai ngôi chùa ở thủ đô Luang Prabang. Ngoài ra, Râmâyana cũng đã được truyền đến những nước khác trong vùng Đông Nam Á²⁸ như Phi Luật Tân²⁹ và Mã Lai³⁰...

Riêng trong Râmâyana của Lào có một chi tiết đặc biệt là Hanumân lúc nhỏ thấy mặt trời ngổ là trái cây, bay lên chực hái ăn nhưng bị lửa đốt cháy tiêu³¹. Thần mặt trời Surya thương tình lấy một sợi lông khỉ chưa cháy hết tái tạo thân thể cho và sai đi giúp Pa Lam (Rama Lào) đi tìm nàng Pommachak (Sita Lào). Điều này khác với nguyên bản Ấn Độ cho rằng khi bay lên lấy mặt trời, Hanumân bị thiên lôi đả rơi xuống đất.

Đưa ra những tình tiết ấy để thấy rằng có một Râmâyana sống động và phong phú hơn ở vùng biên Nam mà các thương nhân từ đời Nam Tống đến đời Nguyên xuôi ngược buôn bán vùng này đã du nhập từng mẩu một về Trung Quốc, qua căn cứ địa của họ, cảng Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến.

Tuyên Châu (Zaytoun), quê hương Tôn Ngộ Không?

Ai cũng biết bối cảnh của Tây Du Ký là con đường thỉnh kinh từ Trường An qua Trung Á theo Con Đường Lụa nghĩa là vùng núi non sa mạc Tây Bắc Trung Quốc với phong cảnh hùng vĩ và khí hậu khắc nghiệt. Tuy vậy, nguồn gốc của câu chuyện có thể nằm mãi ở Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, miền Giang Nam thơ mộng. Nhiều sự trùng hợp đã khiến ta nghĩ là Tôn Ngộ Không đã chào đời ở đây.

Bảo tàng viện Đại Học Hạ Môn (Amoy University) ở Tuyền Châu trưng bày rất nhiều mộ bia viết chữ Ả-Rập, Pasma và Tamil đào được trong tình, nhiều trụ đá đền thờ Ấn Độ Giáo chạm hình khỉ. Người nước ngoài (Ả Rập, Ấn Độ, I-ta-li-a, Ac-mê-ni, Thổ) đã đến buôn bán ở đây từ lâu đời. Ta biết người Ả-Rập sống thành phiên phường, như một hình thức tô giới và có cả nghĩa trang riêng. Tự đời Tống đến đời Nguyên, Tuyền Châu đã có nhiều đền thờ Hồi Giáo và Ấn Giáo, được gọi chung là phiên phật tự. Trụ đá đào được năm 1947 ở Thông Hoài Môn, chân thành Tuyền Châu, có tạc hình con khỉ đuôi dài mà người ta đoán định là Hanumân bởi vì tay khỉ cầm một búp lá giống một loại dược thảo. Chi tiết này có thể quan trọng vì phù hợp với sự tích Hanumân lên núi hái thuốc về chữa bệnh cho anh em vương tử Râma thấy trong Râmâyana. Những hình chạm nổi ở Đông Tây Tháp, chùa Khai Nguyên ở Tuyền Châu, về Hầu Hành Giả, Tam Tạng Pháp Sư và Lương Vũ Đế chứng tỏ có bàn tay của người Ấn Độ³². Nếu Hanumân xuất hiện trên điêu khắc thì sự tích về nó cũng đã được truyền miệng, vì sự tích Râmâyana là câu chuyện nằm lòng của nam phụ lão ấu Ấn Độ, và quần chúng Trung Quốc thuở ấy chắc phải thích thú trước những chi tiết như chuyện con khỉ biết bay.

Phúc Kiến có nhân duyên gì với Tây Du Ký mà thi nhân người Bồ Điền thuộc Phúc Kiến như Lưu Khắc Trang (1187-1269) đã sớm vịnh về đề tài «Đi lấy kinh, khổ thân Hầu Hành Giả», vì sao Bạch Viên Truyện trong truyền kỳ nói về con vợ hào sắc đã mượn bối cảnh miền núi Mai Lĩnh giữa Quảng Đông và Phúc Kiến, và câu chuyện «con khỉ bị giam» được truyền tụng rộng rãi trong tín ngưỡng dân gian suốt từ Phúc Kiến đến Quảng Đông?

Địa danh Phúc Kiến có hơi hướm TDK. Sách địa lý tự thời Nam Tống như Dư Địa Ký Thăng của Vương Tượng Chi (soạn năm Bảo Khánh thứ 3 tức là 1227), quyển 128 đến 135 nói về cảnh vật Phúc Kiến Lộ đã ghi những cái tên phảng phất hương vị Tây Du như Cửu Long Trì, Vương Mẫu Trì (cả 2 đều thấy trong thi thoại), Phi Hầu Lĩnh, Bàn Đào Đảo, Túc Viên Động, Linh Thứu Sơn, Bồ Tát Nham, Quan Âm Thạch, La Hán Nham... Đến đời Minh, trái lại, ảnh hưởng TDK đã đi ngược vào trong địa danh Phúc Kiến. Mân Thư của Hà Kiều Viễn, soạn năm Sùng Trinh thứ tư (1631) có ghi lại những cái tên chịu rõ rệt ảnh hưởng TDK như Tiên Viên Thạch, Thiết Bản Chương, Thủy Liêm Động, Ngọc Hoa Động...

Thêm vào đó, có chứng cứ về các sự tích có phong vị Tây Du truyền từ phương Nam còn ghi lại trong sách vở Nam Tống. Ví dụ truyện về hai người

con gái đẹp sinh ra từ hòn đá ở một vùng giữa Chân Lạp và Chiêm Thành (có lẽ nay là ở biên giới Lào và Việt Nam) làm cho vua hai nước tranh giành rồi đánh nhau. Truyện ấy tên là Bà Luật Sơn Mỹ Nữ, chép trong Di Kiên Chí của Hồng Mại đời Nam Tống. Bà Luật Sơn ở đâu thì có sách cho biết là «trên đường từ Thiên Trúc trở về, đi mất 10 tháng thì đến Bà Luật Quốc» (nhưng có thể 2 địa danh trùng hợp vì đồng âm là Bà Luật). Chuyện này có liên quan đến một sự thực lịch sử là chiến tranh giữa Chân Lạp và Chăm Bốt thời Angkor.

Di Kiên Chí còn chép chuyện Tôn Diễn Khứ Hầu Yêu. Chùa Năng Nhân Tự ở Phúc Kiến có thờ Hầu Vương Thần. Thần này được một trưởng lão tên Tôn Diễn cảm hóa nên không tác hại người trong hạt nữa. Tuy chi tiết này không hẳn liên quan đến Tôn Ngô Không, nhưng cũng không xem nhẹ liên hệ giữa truyền thuyết về Hầu Vương với TDK và với tín ngưỡng dân gian tỉnh Phúc Kiến.

Cũng trong Di Kiên Chí, có chuyện Hầu Tướng Quân ở phủ Lâm An đời Nam Tống đi hỏi vợ. Hầu Tướng Quân «biết bay như chim, biến được ra to lớn, cánh như cánh dơi». Có người tên Triệu Ngạn Thành theo đó mà viết Phi Hầu Truyện, và chữ phi hầu đã trở thành một hình tượng quen thuộc trong thi văn. Con hầu trong Râmâyana bay qua biển để cứu vợ người (Hanumân bay qua biển đến đảo Lanka để cứu nàng Sita) chắc được dân chúng Trung Quốc có cảm tình hơn là con vượn bắt cóc vợ người (như bạch viên cướp vợ Âu Dương Hột) trong dân thoại của họ. Có thể từ đó họ kết hợp hình tượng phi hầu này với con khỉ thần thông trong Râmâyana để dàng hơn để tạo ra nhân vật Tôn Ngô Không chăng?

Từ biến văn tới tiểu thuyết

Hình thức văn học nào đã tạo ra thuyết thoại, thi thoại, kịch bản rồi tiểu thuyết TDK có hương vị Phật Giáo như thế? Có lẽ biến văn đã làm phận sự nối kết kinh Phật với văn học đại chúng bởi vì như ta biết, biến văn và biến tướng đồ (gọi chung là Biến) là những tư liệu mà các tục giảng tăng dùng vào việc thuyết giáo bằng truyện kể dễ hiểu cho người bình dân. Biến văn được tìm ra rất nhiều từ các hang động ở Đôn Hoàng (như Thiên Phật Động ở Mạc Cao Động) từ sau những chuyến thám hiểm của Stein³³ và Pelliot³⁴. Ví dụ một biến văn dịch ra Hán ngữ rất được dân chúng TQ yêu chuộng (có lẽ vì hợp với chữ Hiếu trong Nho Giáo) là Đại Mục Kiền Liên Minh Gian Cứu Mẫu Biến Văn (gọi tắt là Mục Liên Biến Văn) nói về việc Mục Kiền Liên hay (Maha) Maudgalyâyana, một trong mười đại đệ tử của Thích Ca đã

lên trời, xuống địa ngục, phần đầu gian khổ hết chuyện này đến chuyện khác để tìm phương cứu mẹ (xem bản Hán văn Vu Lan Bồn Kinh, dịch từ Trúc Pháp Hộ hay Dhamaraksa vào thế kỷ thứ 4). Tuy trong kinh Vu Lan không có chuyện TNK, nhưng hình thức văn học với văn nói dễ hiểu (Bạch) và âm điệu du dương của văn vần (Xương) kèm theo tranh vẽ trên bích họa hay họa quyền (Đò) có sức thu hút và thuyết phục người ta rất lớn.

Tuy vậy gần đây, tôi đã tìm ra dấu vết chính trong các biến văn cho biết Mục Liên chính là hóa thân của mi hầu. Sách Tứ Thú Nhân Duyên hiện tàng ở Bảo Tàng Viện Quốc Gia Paris có chép câu chuyện bốn loài súc sinh biết giữ tôn ti trật tự là chim, thỏ, mi hầu và tượng; lại nhắc lời Như Lai «mi hầu tức Đại Mục Kiền Liên». Điều này lại từng được nói sơ qua trong quyển thứ 7 của Đại Đường Tây Vực Ký do Huyền Trang viết.

Kết luận của người biên dịch:

Để tóm tắt quá trình hình thành nhân vật Tôn Ngộ Không trong truyện Tây Du theo ý kiến nhà nghiên cứu Nakano Miyoko, ta có thể nói nó là diễn biến của 4 mô-típ dân thoại chính trong dòng thời gian:

- 1) Mô típ con khỉ háo sắc cướp đàn bà (muốn được bằng người)
- 2) Mô típ con khỉ phá phách và bị giam cầm
- 3) Mô típ con khỉ tu học và đi tìm kinh
- 4) Mô típ con khỉ thần thông biết đặng vân (muốn vượt phận người)

Đó là một quá trình dài và rộng. Dài 18 thế kỷ với sự «đóng góp» của nhiều «tác giả», suốt khoảng thời gian từ đầu đời Hán (BC 202) đến cuối đời Minh (1644), kể từ lúc có Sơn Hải Kinh (chuyện vua Vũ xiềng con vượn dưới núi Quân Sơn) và cũng là khi Phật Giáo truyền vào Trung Quốc, cho đến khi Tây Du Ký bản đời Minh ra đời năm 1592 (với nhân vật trung tâm là Tề Thiên Đại Thánh Tôn Ngộ Không). Rộng vì nó đi từ Á- Rập, Ấn Độ đến Trung Quốc, lúc xuyên sa mạc Trung Á, lúc vượt vùng biển Nam Hải.

Con khỉ thần thông Hanumân của dân thoại đã từ Ấn Độ đến Trung Quốc, nhào trộn với thần tích về khỉ vượn, linh thú trong dân thoại và truyền kỳ sở tại, hài hòa với tư tưởng Nho-Thích-Lão, được ghi lại qua biến văn, thi thoại, thuyết thoại, hí khúc, cuối cùng ngưng đọng ở tiểu thuyết chương hồi, để trở thành Tôn Ngộ Không. Qua việc khăn gói lên đường thỉnh kinh, lão

Tôn lại về tới cố hương Ấn Độ. Như thế, Tôn Ngô Không đã đi trọn một chu kỳ, hoàn thành giấc mơ phản kháng và vượt-khỏi-thân-phận mà dân gian đã ký thác nơi mình.

NAKANO MIYOKO
Nguyễn Nam Trân biên dịch và chú thích

Tokyo, 20 /09/2003

Cước chú:

1 Dân thoại, chữ mới mượn đỡ từ minwa của Nhật để chỉ truyện dân gian (folk tale, conte populaire, conte folklorique), đối tượng của dân thoại học, một lãnh vực nằm trong lòng dân tục học (Folklore), dân tộc học (Ethnology) và văn hóa nhân loại học (Cultural Anthropology).

2 Với cách đánh giá con người qua tính cách tượng trưng của nhân vật trong TDK, ví dụ Huyền Trang là nhân tính, Bát Giới là Nhãn, Bạch Mã là Ý Chí, Ngô Không là Tâm (tâm viên ý mã), Ngô Tĩnh là Nộ vv...chẳng hạn.

3 Một trong 4 châu nằm giữa biển và bao theo bốn hướng Đông Tây Nam Bắc quanh ngọn Tu Di Sơn, trung tâm của thế giới trong vũ trụ quan Ấn Độ. Tất cả được "niềng" bằng vòng đai của Thiết Vi Sơn và được đặt lần lượt trên một cái bệ tròn 3 bậc (Kim Luân, Thủy Luân và Phong Luân) theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

4 Xem chú 3

5 Ngô Thừa Ân (1506?-1582?), tự là Nhữ Trung, hiệu Xạ Dương Sơn Nhân, người phủ Hoài An, tỉnh Giang Tô. Ông sinh năm Chính Đức nguyên niên (1506) đời Minh (có nhiều thuyết khác như 1500, 1505, 1510, 1511) và mất năm Vạn Lịch thứ 10 (1582) hay 11 (1583). Bản TDK Thế Đức Đường phát hành ước chừng 10 năm sau ngày ông mất, và Hoài An Phủ Chí (ra đời khoảng năm Thiên Khải 1621-27), quyển 19, Nghệ Văn Chí, Hoài Hiền Văn Mục, chép Ngô Thừa Ân có viết Xạ Dương Tập, Xuân Thu Liệt Truyện Tự, Tây Du Ký. Những điều này xem ra không có gì phi lý hay mâu thuẫn nhưng chưa giải đáp hết các nghi vấn trong học giới.

6 Khâu (Khu) Xử Cơ (1148-1227), tức Trường Xuân Chân Nhân, đạo sĩ phái Toàn Chân, đã được Thành Cát Tư Hãn mời đến Samarcand trên đường viễn chinh để giảng thuật trường sinh bất tử. Đệ tử là Lý Chí Thường về sau đã in lại tập du ký về chuyến đi này.

7 Bản Chu Đỉnh Thần tự cho là đỉnh khiết (khắc) muốn nói là bản chính thức, bản quyết định, gần với một "tổ bản" (old text) TDK đời Minh có tên là (Tây Du) hay (Tam Tạng) Thích Ách (Ni) Truyện nhất, trong khi bản Thế Đức Đường và Dương Chí Hòa chỉ ghi là Tân Khắc hay Tân Khiết (bản in mới của tổ bản) nhưng lại ra đời sớm hơn. Hiện tổ bản chưa tìm ra nên nguồn gốc TDK đời Minh chưa tiện bàn cãi thêm...

8 Lý Thời Trân cho rằng "hình dáng con hầu này giống Hồ nhân nên gọi là Hồ Tôn".

9 Truyền kỳ là tên gọi một loại tiểu thuyết ngắn bắt đầu từ đời Đường, kể những sự việc lạ lùng. Sau được dùng để gọi rộng ra cho cả tạp kịch đời Nguyên cũng như những kịch bản ở phía nam Trung Quốc thời Minh và Thanh.

10 Trong Bản Thảo Cương Mục, viên được phân biệt với nhung tức nhu (tay dài, đuôi dài) độc, tinh tinh (cùng là tay dài, đuôi ngắn), dã nhân (tay ngắn, đuôi dài), hầu (tay ngắn, đuôi ngắn)...

11 G.H. van Gulik, Gibbon in China.

12 Lương ngạn viên thanh đề bất tận (Lý Bạch), Thính viên thực hạ tam thanh lệ (Đỗ Phủ)

13 Liên hệ đến cấm kỵ (tabou) về hôn nhân khác giống và huyền tượng về những nước thuần nam hay thuần nữ có thấy trong TDK (Tây Lương Nữ Quốc) hay Hoài Nam Tử (Trượng Phu Quốc, Nữ Tử Quốc).

14 Trong TDK, chuyện yêu quái bắt từ công chúa đến con gái lương dân về làm vợ nhiều không kể hết (phụ chú của NNT).

15 Nước cuối cùng thời Nam Bắc Triều đóng đô ở Kiến Khang (Nam Kinh bây giờ), vùng Giang Nam, do Vũ Đế Trần Bá Tiên đoạt từ Lương Kính Đế. Đền đời Hậu Chủ bị Tùy Văn Đế diệt (557-589) (phụ chú của NNT).

16 Theo Vương Sung đời Hán trong Luận Hành, Vật Thế Biên, Thân có nghĩa là Khí, Dương là Đực.

17 Một trong 4 người được tặng danh hiệu Tam Tạng Pháp Sư đời Đường. Ngoài Huyền Trang, còn Nghĩa Tĩnh (635-713), Kim Cương Trí (Vajrabodhi, 662?-741?), Thiện Vô Úy (nói trên), và Bất Không (Amoghavajra, 705-774?), đều là cao tăng trứ danh, giỏi cả ba tạng tức Kinh, Luật, Luận).

18 Xem thêm H.W. Bailey, The Rama Story in Khotanese là bản dịch ra Anh ngữ và giới thiệu tư liệu này.

19 Xem thêm F.W. Thomas, A Ramayana Story in Tibetan from Chinese Turkestan hay M. Lalou, L'histoire de Rama en tibétain, Bibliothèque Nationale de Paris, hay J. W. de Jong, An Old Tibetan Version of Ramayana và The Tunhuang Manuscripts of the Tibetan Ramayana...

20 Ta có thể hơi thất vọng vì trong 6 hồi đầu của Tây Du, TNK thần thông đến thế mà khi thỉnh kinh cứ phải luôn luôn cầu cạnh sự giúp đỡ của người khác, nhất là chư Phật (phụ chú của người dịch).

21 Xem C.E. Godakumbura, The Ramayana. A Version of Rama's Story from Ceylon.

22 Xem thêm J.P. Connor, The Ramayana in Burma.

23 Tham khảo C.H Hooakaas, The Old-Javanese Râmâyana.

24 Tham khảo W. Stutterheim, Râma-Legenden und Râma-Reliefs in Indonesia

25 Tham khảo Subhadradis Diskul, The Ramakian và J.M. Cadet, The Ramakien

26 Tham khảo Judith M. Jacob, Reamker.

27 Tham khảo Kamala Ratman và H.Deydier, The Ramayana in Laos.

28 Tham khảo V.Raghavan (biên tập), The Ramayana Tradition in Asia và R. S. Iyengar (biên tập), Asian Variations in Ramayana.

29 Tham khảo J.R. Francisco, The Ramayana in the Philippines.

30 Tham khảo A.Zieseniss, Die Rama-Sage bei den Malaien.

31 Làm ta liên tưởng tới Icarus và Prometheus trong thần thoại Hy Lạp?

32 Xem thêm Nakano Miyoko, Tam Tạng Pháp Sư.

33 Tiến sĩ A. Stein, người Anh, đã 3 lần thám hiểm miền Tây Vực hồi đầu thế kỷ 20 (1900-1916), phát hiện nhiều di tích và văn thư Phật Giáo giá trị mở đường cho khoa Đôn Hoàng Học. Xem thêm trứ tác A. Stein, Ruins of Desert Cathey, 2 vols, Oxford, 1921 và A. Stein, On Ancient Central-Asian Tracks, Oxford, 1933 (phụ chú của NNT theo K. Nagasawa, Silk Road, Tokyo, 1993)

34 P. Pelliot, người Pháp, năm mới 28 tuổi đã cầm đầu đoàn thám hiểm vùng Thiên Sơn n Nam Đạo (1906-1908), thu thập được nhiều văn thư giá trị ở thạch động Đôn Hoàng. Xem thêm P. Pelliot, Trois ans dans la Haute-Asie (Conférence, Bulletin du Comités de l'Asie française, 1910) (phụ chú của NNT theo K. Nagasawa, Silk Road, Tokyo, 1993).

Source:<http://www.hopluu.org/HL77/nguyennamtran.htm>

---o0o---

Hết